

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NAM TRỰC
TỈNH NAM ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2021/DS-ST
Ngày 30-09-2020
V/v tranh chấp “Hợp đồng tín dụng
giữa V và anh Q, chị H.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NAM TRỰC, TỈNH NAM ĐỊNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên: Ông Phạm Mạnh Cường

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Phạm Thị Xuyên

Bà Đặng Thị Thu Hương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Hồng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định.

Kiểm sát sát nhân dân huyện Nam Trực tham gia phiên tòa: Bà Ngô Thị Thu Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2021, tại Trung tâm bồi dưỡng chính trị huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 23/2021/TLST-DS ngày 21 tháng 6 năm 2021 về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 17/2021/QĐXXST-DS ngày 01 tháng 09 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần V.

Địa chỉ trụ sở: Số 89 đường L, phường L, quận Đ, thành phố H.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Chí D - Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Ngô Chí D: Ông Phạm Tuấn A - Chức vụ: Phó Giám đốc trung tâm pháp luật ngân hàng SME và cá nhân (theo bản ủy quyền số 11/2018/UQ-HĐQT ngày 02-3-2018).

Người đại diện theo ủy quyền lại của ông Phạm Tuấn A: Anh Phạm Tất T - Chức vụ: Chuyên viên xử lý nợ (theo văn bản ủy quyền số 208/2021/UQ-VPB ngày 10/3/2021). (có mặt)

Địa chỉ: Tầng 5, tòa nhà N Tower, số 91 Đ, phường C, thành phố N, tỉnh Nam Định.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Văn Q, sinh năm 1978(vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn C, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định.

Chị Trần Thị H, sinh năm: 1983(vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn T, xã B, huyện N, tỉnh Nam Định.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 10/3/2021, bản tự khai, trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền lại của nguyên đơn, anh Trần Quang T trình bày: Ngân hàng thương mại cổ phần V (gọi tắt là V) đã ký hợp đồng tín dụng số: LN 1909301724147 ký ngày 07/10/2019 với anh Nguyễn Văn Q và chị Trần Thị H để vay số tiền là: 544.000.000 đồng, mục đích vay: bổ sung vốn kinh doanh đồ nhựa; thời hạn vay: 12 tháng; lãi suất trong hạn là: 11,5%/năm, và được cố định trong vòng 03 tháng kể từ thời điểm giải ngân. Hết thời hạn 03 tháng, lãi suất cho vay sẽ được điều chỉnh định kỳ 01 tháng/1 lần, ngày điều chỉnh lãi suất đầu tiên là ngày 07/01/2020, bên Ngân hàng áp dụng tại thời điểm điều chỉnh cộng (+) biên độ 4,7%/năm. Lãi suất quá hạn: bằng 150% mức lãi suất trong hạn. Ngoài ra, vào ngày 15/10/2019 còn ký Hợp đồng tín dụng số 158-P-0066282 dưới hình thức Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không TSBĐ, mở và sử dụng tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ và dịch vụ Ngân hàng điện tử. Số tiền vay: 27,000,000 đồng; Thời hạn vay: 60 tháng; Mục đích sử dụng vốn: tiêu dùng; Lãi suất trong hạn: 24%/ năm; Lãi suất nợ quá hạn: 150% lãi suất trong hạn. Để đảm bảo cho khoản vay, anh Q, chị H cùng thỏa thuận ký kết hợp đồng thế chấp toàn bộ Quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại thửa đất số 51, tờ bản đồ số 33. Địa chỉ xã N, huyện N, tỉnh Nam Định theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CO 897264, Sổ vào sổ cấp GCN: CS00650 do Sở Tài Nguyên và Môi Trường tỉnh Nam Định cấp ngày 05/09/2019 đứng tên anh Nguyễn Văn Q và chị Trần Thị H. Được chứng thực vào ngày 03/10/2019 tại Văn phòng Công chứng Ngọc Ban. Quá trình thực hiện hợp đồng : Tính đến ngày 31/08/2021, Nguyễn Văn Q và vợ là bà Trần Thị H đã trả V số tiền là: 27,043,737 đồng, cụ thể: Đối với Hợp đồng cho vay LN1909301724147 ngày 07/10/2019 (LD1928000229), từ ngày 07/10/2019 đến ngày 31/08/2021 ông Nguyễn Văn Q và vợ là bà Trần Thị H đã trả cho V số tiền: Nợ gốc: 0 đồng; Nợ lãi: 27,043,737 đồng; Tổng cộng: 27,043,737 đồng

Quá trình thực hiện hợp đồng ông Q và bà H vi phạm nghĩa vụ trả nợ đối với V và phải chịu mức lãi suất nợ quá hạn theo thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng, cụ thể: Đối với Hợp đồng cho vay LN1909301724147 ngày 07/10/2019 (LD1928000229), ông Q và bà H vi phạm kể từ ngày 06/04/2020, tạm tính đến ngày 31/08/2020 số ngày quá hạn là 512 ngày, số tiền ông Q và bà H còn nợ V là: Nợ gốc: 544,000,000 đồng Nợ lãi: 141,251,978 đồng. Phạt chậm trả lãi: 17,915,971 đồng. Tổng cộng: 703,167,949 đồng. Đối với Hợp đồng tín dụng số 158-P-0066282 ngày 15/10/2019 theo Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không TSBĐ, mở và sử dụng tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ và dịch vụ Ngân hàng điện tử ngày 15/10/2019, ông Q và bà H vi phạm kể từ ngày 25/03/2020, tạm tính đến ngày 31/08/2021 số ngày quá hạn là 525 ngày, số tiền ông Q và bà H còn nợ V là: Nợ gốc: 27,000,000 đồng; Nợ lãi: 32,521,852 đồng. Tổng cộng: 59,521,852 đồng.

Đề nghị Tòa án xem xét buộc ông Nguyễn Văn Q và vợ là bà Trần Thị H phải thực hiện toàn bộ nghĩa vụ đối với V, trả toàn bộ số tiền nợ gốc, lãi và tiền phạt trả chậm và các khoản phát sinh liên quan đến Hợp đồng tín dụng nêu trên tạm tính đến ngày 31/8/2021 với nợ gốc là 571.000.000 đồng, nợ lãi là 173.773.830 đồng, Phạt chậm trả là 17.915.971 đồng. Tổng cộng là 762.689.801 đồng. Yêu cầu Tòa án tiếp tục cho tính lãi theo đúng thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng nêu trên cho đến ngày ông Nguyễn Văn Q và vợ là bà Trần Thị H thực tế thanh toán hết nợ cho VPBank. Đồng thời, yêu cầu Tòa án tuyên trong bản án: VPBank có quyền tự bán tài sản đảm bảo hoặc yêu cầu cơ quan Thi hành án cưỡng chế, kê biên, phát mại tài sản bảo đảm là: Toàn bộ quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại thửa đất số: 51, tờ bản đồ số: 33. Địa chỉ: xã Nam Tiến, huyện Nam Trực, Nam Định; theo “Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất” số CO 897264, Sổ vào sổ cấp GCN: CS00650 do Sở Tài Nguyên và Môi Trường tỉnh Nam Định cấp ngày 05/09/2019 đứng tên hộ anh Nguyễn Văn Q và chị Trần Thị H. Chi tiết theo Hợp đồng công chứng số 3554, quyền số 01/2014/TP/CC-SCC/HĐGD ngày 03/10/2019 tại Văn phòng Công chứng Ngọc Ban, địa chỉ: số 88, Đặng Xuân Bảng, phường Cửa Nam, thành phố Nam Định. V được quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án áp dụng các biện pháp cần thiết để kê biên, xử lý các tài sản khác thuộc quyền sở hữu của ông Nguyễn Văn Q và vợ là bà Trần Thị H để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ theo Bản án/Quyết định của Tòa án cho đến khi ông Nguyễn Văn Q và vợ là bà Trần Thị H hết nghĩa vụ với V.

Tại phiên tòa: Ông Phạm Tất T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và bổ sung như sau: Ngân hàng V đề nghị Tòa án yêu cầu anh Q và chị H phải thanh toán cho V toàn bộ số tiền nợ gốc, nợ lãi, lãi quá hạn và phạt chậm trả của hợp đồng tín dụng, tính đến ngày 30/09/2021 với số tiền cụ thể là: Nợ gốc: 571.000.000 đồng; Nợ lãi: 179.715.246 đồng và tiền phạt chậm trả là 12.380.800 đồng. Đối với hợp đồng ngày 15/10/2019, giữa V và anh Q, chị H thỏa thuận mức lãi suất là 40%/năm. Ngoài ra, ông T còn đề nghị Tòa án ghi trong bản án nội dung “Trường hợp xử lý tài sản nói trên không đủ để thu hồi toàn bộ khoản nợ cho V thì V có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án kê biên, phát mại các tài sản khác thuộc quyền sở hữu, sử dụng hợp pháp của anh Q, chị H để thu hồi nợ cho V”

Bị đơn anh Nguyễn Văn Q, chị Trần Thị H đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ nhưng anh, chị không đến Tòa án để làm việc trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Tại phiên tòa, anh Q, chị H vắng mặt.

Quan điểm của Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án: - Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và các đương sự đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.

- Về nội dung: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần V đối với anh Nguyễn Văn Q và chị Trần Thị H về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng". Buộc anh Nguyễn Văn Q và chị Trần Thị H phải thanh toán cho Ngân hàng V tổng số tiền 737.593.800 đồng gồm: Nợ gốc:

571.000.000 đồng; nợ lãi: 166.593.800 đồng. Chia phần: anh Q có nghĩa vụ trả cho VP Bank 368.796.900 đồng; chị H có nghĩa vụ trả cho VP Bank 368.796.900 đồng. Trường hợp anh Nguyễn Văn Q và chị Trần Thị H không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ thanh toán khoản nợ nêu trên và lãi phát sinh thì V có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án có thẩm quyền tiến hành kê biên, phát mại tài sản bảo đảm của các khoản vay nói trên để thu hồi khoản nợ cho V, tài sản bảo đảm là: quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại thửa đất số: 51, tờ bản đồ số: 33. Địa chỉ: Xã N, huyện N, Nam Định; theo “Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất” số CO 897264. Anh Q, chị H phải bàn giao vô điều kiện mọi công trình, tài sản được cải tạo, xây dựng gắn liền với tài sản thế chấp. Án phí dân sự sơ thẩm: các đương sự chịu án phí theo quy định của pháp luật. Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Anh Nguyễn Văn Q và chị Trần Thị H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không rõ lý do. Căn cứ khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về nội dung của hợp đồng tín dụng: V đã ký 2 hợp đồng tín dụng với anh Nguyễn Văn Q và vợ là chị Trần Thị H. Cụ thể: hợp đồng tín dụng số LN 1909301724147 ký ngày 07/10/2019 và Hợp đồng tín dụng số 158-P-0066282 dưới hình thức Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không TSBĐ, mở và sử dụng tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ và dịch vụ Ngân hàng điện tử vào ngày 15/10/2019. Hai hợp đồng tín dụng đã được hai bên thống nhất thỏa thuận, ký kết bởi người có đủ thẩm quyền, hình thức và nội dung hợp đồng không vi phạm các điều cấm, không trái pháp luật và đạo đức xã hội. Do đó, hợp đồng tín dụng này là hợp pháp và là căn cứ pháp lý để các bên thực hiện.

[3] Quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng và yêu cầu khởi kiện: Đối với Hợp đồng tín dụng số 158-P-0066282 dưới hình thức Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không TSBĐ, mở và sử dụng tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ và dịch vụ Ngân hàng điện tử vào ngày 15/10/2019: V đã thực hiện đúng nghĩa vụ của mình chuyển tiền cho chị H, anh Q với số tiền là 27.000.000 đồng. Anh Q, chị H đã nhận tiền. Tuy nhiên, cho đến nay anh Q, chị H vẫn chưa trả cho V khoản tiền gốc và lãi nào. Tại phiên tòa, V xác định lãi suất đối với hợp đồng này là 40%/ năm nên lãi suất của hợp đồng này đến ngày xét xử là 30.750.391 đồng. Tuy nhiên, tại đơn khởi kiện cũng như bản tự khai người đại diện V đề nghị thì mức lãi suất này là 24%/ năm. Toàn bộ quá trình giải quyết vụ án cho đến tại phiên tòa V không xuất trình được tài liệu liên quan đến việc thỏa thuận mức lãi suất của hợp đồng là 40%. Vì vậy, chỉ có căn cứ chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của V đối với hợp đồng này. Cụ thể: Chấp nhận buộc anh Nguyễn Văn Q và chị Trần Thị H phải trả

cho V số tiền gốc là 27.000.000 đồng và tiền lãi (bao gồm cả lãi trong hạn và lãi quá hạn) là 17.629.000 đồng.

Đối với hợp đồng tín dụng số LN 1909301724147 ngày 07/10/2019: VPBank đã thực hiện đúng nghĩa vụ của mình giải ngân thông đề nghị giải ngân của anh Nguyễn Văn Q và chị Trần Thị H gửi số tiền 544.000.000 (Năm trăm bốn mươi bốn triệu đồng) vào số tài khoản 19034218003012 của anh Trần Mạnh C mở tại Ngân hàng TECH COM BANK để thực hiện nghĩa vụ thanh toán tiền mua hàng theo hợp đồng mua hàng số hợp đồng kinh tế số 168/2019. Anh Nguyễn Văn Q và chị Trần Thị H đã nhận đủ số tiền nhưng không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ như đã cam kết. Đến ngày 06/4/2020, anh Q và chị H đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên V Bank đã chuyển toàn bộ khoản vay nêu trên sang nợ quá hạn với mức lãi suất nợ quá hạn là 150% lãi suất trong hạn là phù hợp với thỏa thuận tại điểm 7 Điều 2 của hợp đồng tín dụng hai bên đã ký. Từ ngày 07/10/2019 đến ngày 12/03/2020, anh Q, chị H đã thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng số tiền lãi là: 27.043.737 đồng; chưa trả tiền gốc nào. Từ ngày 12/03/2020 cho đến nay, anh Q, chị H chưa thanh toán đủ cho Ngân hàng V khoản tiền gốc và lãi theo hợp đồng. Vì vậy, anh Q, chị H đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận trong hợp đồng. Do đó, Ngân hàng khởi kiện đề nghị Tòa án buộc anh Nguyễn Văn Q và vợ là chị Trần Thị H phải thanh toán cho Ngân hàng V số tiền nợ gốc và nợ lãi phải trả theo hợp đồng tính đến ngày xét xử sơ thẩm (30-9-2021) là 544.000.000 đồng tiền gốc và lãi phải trả là 148.964.800 là có căn cứ, phù hợp với Điều 91 Luật tổ chức tín dụng và Điều 463, Điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015.

[4]Về nghĩa vụ thanh toán: Đây là nghĩa vụ phát sinh trong quá trình anh Q, chị H đang là vợ chồng. Nay anh Q, chị H đã ly hôn vì vậy mỗi bên có nghĩa vụ trả ½ khoản nợ cho VP Bank. Cụ thể tổng số tiền mà anh Q, chị H phải trả cho V Bank là 737.593.800 đồng nên chia phần: anh Q có nghĩa vụ trả cho V Bank 368.796.900 đồng; chị H có nghĩa vụ trả cho V Bank 368.796.900 đồng.

[5]Về hợp đồng thế chấp: Để đảm bảo khoản vay của mình giữa V Bank với anh Q, chị H đã ký Hợp đồng thế chấp số 1724147 ngày 03/10/2019, theo đó nội dung bao gồm: Tài sản bảo đảm: quyền sử dụng đất tại thửa đất số: 51, tờ bản đồ số: 33. Địa chỉ: Xã N, huyện N, Nam Định; theo “Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất” số CO 897264, Sổ vào sổ cấp GCN: CS00650 do Sở Tài Nguyên và Môi Trường tỉnh Nam Định cấp ngày 05/09/2019 đứng tên hộ anh Nguyễn Văn Q và chị Trần Thị H. Hợp đồng thế chấp này đảm bảo đúng quy định của pháp luật nên làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa các bên. Khoản 1 điều 7 của Hợp đồng thế chấp có thỏa thuận về các trường hợp xử lý tài sản thế chấp: “Bên thế chấp không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ theo các Văn kiện tín dụng đã ký với bên Ngân hàng”. Do đó, trong trường hợp anh Q, chị H không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ thanh toán khoản nợ nêu trên và lãi phát sinh thì V Bank có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án có thẩm quyền tiến hành kê biên, phát mại tài sản bảo đảm của khoản vay nói trên để thu hồi khoản nợ cho V Bank đối với tài sản bảo đảm là có cơ sở và phù hợp với Điều 299 của Bộ luật dân sự. Đồng thời, căn cứ theo thỏa thuận tại Khoản 2 điều 7 của Hợp đồng thế chấp thì khi xử lý tài sản thế

chấp anh Q, chị H phải bàn giao vô điều kiện mọi công trình, tài sản được cải tạo, xây dựng gắn liền với tài sản thế chấp.

[6]Đối với yêu cầu phạt chậm trả với số tiền là 12.380.800 đồng mặc dù các bên có thỏa thuận trong hợp đồng nhưng căn cứ theo quy định tại Điều 12 Nghị quyết 01/2019/NQ – HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về nguyên tắc chỉ xử lý một lần đối với mỗi hành vi không trả đúng hạn. Trên thực tế, V Bank đã tính lãi quá hạn đối với khoản vay. Vì vậy, Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu phạt chậm trả của V Bank.

[7]Đối với yêu cầu ghi trong bản án nội dung: Trường hợp xử lý tài sản nói trên không đủ để thu hồi toàn bộ khoản nợ cho V Bank thì V Bank có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án kê biên, phát mại các tài sản khác thuộc quyền sở hữu, sử dụng hợp pháp của anh Q, chị H để thu hồi nợ cho V Bank. Hội đồng xét xử thấy rằng đây là quy định liên quan đến việc thi hành án sau khi bản án có hiệu lực pháp luật. Do đó không có căn cứ để giải quyết tại thời điểm xét xử. Vì vậy không có căn cứ để chấp nhận. Sau này khi bản án có hiệu lực pháp luật, V Bank có quyền đề nghị Cơ quan thi hành thực hiện theo quy định của Luật Thi hành án dân sự để thu hồi nợ của mình.

[8]Về án phí dân sự sơ thẩm: Theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 3 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Do yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng VBank được chấp nhận một phần nên nguyên đơn phải nộp án phí dân sự sơ thẩm đối với phần không được Tòa án chấp nhận là 1.275.000 đồng. Anh Nguyễn Văn Q và chị Trần Thị H có nghĩa vụ trả nợ nên phải nộp án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với phần yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận là 36.879.600 đồng.

[9]Về quyền kháng cáo: Ngân hàng V Bank có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Nguyễn Văn Q và chị Trần Thị H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 91 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 (sửa đổi bổ sung năm 2017);

Căn cứ vào các Điều 299, 320, 357, 463, 466 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ Điều 12 Nghị quyết 01/2019/NQ – HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

Xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần V đối với anh Nguyễn Văn Q và chị Trần Thị H về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng". Buộc anh Nguyễn Văn Q và chị Trần Thị H phải thanh toán cho Ngân hàng V Bank tổng số tiền 737.593.800 đồng gồm: Nợ gốc: 571.000.000 đồng; nợ lãi: 166.593.800 đồng. Chia phần: anh Q có nghĩa vụ trả cho V Bank 368.796.900 đồng; chị H có nghĩa vụ trả cho V Bank 368.796.900 đồng.

2. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành xong, anh Nguyễn Văn Q và chị Trần Thị H còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong các hợp đồng nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật.

3. Trường hợp anh Nguyễn Văn Q và chị Trần Thị H không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ thanh toán khoản nợ nêu trên và lãi phát sinh thì V Bank có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án có thẩm quyền tiến hành kê biên, phát mại tài sản bảo đảm của các khoản vay nói trên để thu hồi khoản nợ cho V Bank, tài sản bảo đảm là: quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại thửa đất số: 51, tờ bản đồ số: 33. Địa chỉ: Xã N, huyện N, Nam Định; theo "Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất" số CO 897264. Anh Q, chị H phải bàn giao vô điều kiện mọi công trình, tài sản được cải tạo, xây dựng gắn liền với tài sản thế chấp.

Số tiền phát mại tài sản bảo đảm thu được sau khi trả nợ Ngân hàng V Bank nếu còn thừa sẽ trả lại cho bên thế chấp anh Nguyễn Văn Q và chị Trần Thị H, nếu thiếu anh Nguyễn Văn Q và chị Trần Thị H phải tiếp tục hoàn thành nghĩa vụ trả nợ.

4. Án phí dân sự sơ thẩm: anh Nguyễn Văn Q và chị Trần Thị H phải nộp 36.879.600 đồng. Chia phần anh Q phải nộp 18.439.800 đồng; chị H phải nộp 18.439.800 đồng.

V Bank phải nộp án phí dân sự sơ thẩm là 1.275.000 đồng được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí 15.600.000 đồng (mười năm triệu, sáu trăm nghìn đồng) đã nộp theo biên lai số 0000475 ngày 21/6/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định. Hoàn trả cho VP Bank số tiền là 14.325.000 đồng.

5. Quyền kháng cáo: Ngân hàng V Bank có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Nguyễn Văn Q và chị Trần Thị H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì Ngân hàng thương mại cổ phần V và anh Nguyễn Văn Q và chị Trần Thị H có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Nam Định;
- VKSND huyện Nam Trực;
- Chi cục THADS huyện Nam Trực;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Phạm Mạnh Cường